

Lâu nay trong tiềm thức và quan niệm nhiều người cho rằng trồng lúa đạt hiệu quả kinh tế-xã hội thấp, từ đó dẫn đến xu hướng chuyển một phần đất lúa sang các cây trồng khác. Thực ra quan niệm này có phần đúng trong cơ chế bao cấp, sản xuất tập thể trước đổi mới khi đất trồng lúa trở thành vô chủ và người trồng lúa chỉ được quyền làm công ăn điểm, bị tách khỏi ruộng đất. Sau nghị quyết 10, ruộng đất được giao cho hộ nông dân sử dụng lâu dài, đất trở về với chủ thực sự của nó là người nông dân. Vì vậy, ruộng đất nói chung và đất lúa nói riêng được quản lý và sử dụng tốt hơn, đem lại hiệu quả kinh tế-xã hội cao hơn trước.

Theo điều tra của Tổng cục Thống kê tại 4 tỉnh Cần Thơ, Nam Định, Bình Định và Yên Bái đại diện cho 4 vùng trồng lúa lớn của VN năm 1989 thì chi phí sản xuất của các hộ nông dân trồng lúa trên địa bàn điều tra đều thấp hơn giá bán trên thị trường từ 15-30% tùy theo từng vùng và từng vụ sản xuất. Tỷ suất lợi nhuận của người trồng lúa tính theo công thức $m/c+v$ ở 3 vụ lúa trồng năm tại 4 vùng điều tra như sau:

Biểu 1: Tỷ suất lợi nhuận của người sản xuất lúa 1989

	DHSH	Miền núi Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	ĐBSCL
Lúa đông xuân	32	30	15	26
Lúa mùa	21	17	-	-
Lúa hè thu	-	-	13	34

Đơn vị tính %

Nếu trừ thuế sử dụng đất nông nghiệp (lãi thuế)/ $c+v$ thì tỷ suất lợi nhuận lúa đông xuân vẫn còn từ 16-28% đối với ĐBSCL và 10-17% đối với các vùng khác.

Có sự chênh lệch về tỷ suất lợi nhuận giữa các vùng nhất là vùng ĐBSCL với duyên hải miền Trung một phần rất quan trọng là do sự khác nhau về chi phí quản lý: ở ĐBSCL với cơ chế hộ tự chủ nên chi phí sản xuất chủ yếu là phân bón, thuốc trừ sâu, nước, thuê mướn nhân công làm đất, sạ, thu hoạch, không có chi phí gián tiếp. Ngược lại ở duyên hải miền Trung và ĐBSH, chi phí gián tiếp của các HTXSXNN lúc đó còn cao từ 5,15 đến 6,2%, chủ yếu là trả công cho cán bộ HTX, trong khi đó năng suất lúa lại thấp nên lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận thấp hơn vùng ĐBSCL.

Giữa các vụ sản xuất trong năm, vụ lúa đông xuân cho tỷ suất lợi nhuận cao hơn lúa mùa và lúa hè thu vì mấy lẽ: thời tiết thuận lợi cho sản xuất lúa, ít bị thiên tai lũ lụt hoặc hạn hán như hè thu và vụ mùa. Trong cơ cấu giống lúa, tỷ lệ các giống lúa mới có năng suất cao chiếm ưu thế và thích hợp với thời tiết, chi phí vật chất cho cây lúa ít hơn. Trình độ thâm canh lúa đông xuân cao hơn nên năng

HIỆU QUẢ KINH TẾ LÚA GẠO VIỆT NAM

suất bình quân cao hơn, giá bán lúa xuân cũng cao hơn.

Như vậy, ngay những năm đầu của sự nghiệp đổi mới cơ chế và chính sách nông nghiệp, trong cơ chế hộ tự chủ, sản

PGS.PTS. NGUYỄN SINH CÚC

được đưa vào sản xuất, đi cùng với giảm chi phí trực tiếp và gián tiếp nên hiệu quả kinh tế lúa gạo có xu hướng tăng dần so với 1989.

Theo kết quả điều tra chi phí sản xuất lúa của Tổng cục thống kê công bố năm 1996 tại 4 vùng trọng điểm lúa là ĐBSH, ĐBSCL, duyên hải miền Trung và bắc Trung bộ (khu 4 cũ) thì tỷ lệ lợi nhuận lúa đông xuân là 73,8%, nếu trừ thuế còn 63,5%, lúa hè thu là 66,9% và 59,2% và lúa mùa là 51,7% và 42%. Trong chi phí sản xuất lúa, chi phí phân hóa học chiếm tỷ lệ cao nhất 36,8%, chi phí công lao động chăm sóc và thu hoạch 36%, thuốc trừ sâu 11%, giống 16,9% đối với lúa đông xuân. Đối với lúa hè thu và lúa mùa do bị ảnh hưởng lớn của thời tiết, nhất là hạn hán, bão lũ nên chi phí vật chất và lao động đều cao hơn lúa đông xuân làm cho lợi nhuận sản xuất lúa thấp hơn. Giữa các vùng thì ĐBSCL vẫn là vùng sản xuất lúa có hiệu quả cao nhất trong các vụ sản xuất, thu nhập của người trồng lúa trên 1 đơn vị diện tích cũng cao nhất.

Biểu 2: Hiệu quả sản xuất lúa ở 4 vùng

Đơn vị tính %					
	Chung	Trong đó			
		ĐBSH	Bắc Trung bộ	DHMT	ĐBSCL
- Lúa đông xuân					
1. Tỷ lệ lãi so với					
a. Chi phí sản xuất (không thuế)	73.8	27.2	21.5	27.8	113.4
b. Chi phí sản xuất (có thuế)	63.5	18.5	14.3	21.5	100.9
2. Tỷ lệ thu nhập/chi phí	195.6	202.1	177.3	137.1	200.6
- Lúa hè thu					
1. Tỷ lệ lãi so với					
a. Chi phí sản xuất (không thuế)	66.9		14.6	26.9	85.8
b. Chi phí sản xuất (có thuế)	59.2		8.7	21.5	78.8
2. Tỷ lệ thu nhập/chi phí	151.5		136.9	163.9	160.8
- Lúa mùa					
1. Tỷ lệ lãi so với					
a. Chi phí sản xuất (không thuế)	51.7	16.9	4.5	6.7	90.8
b. Chi phí sản xuất (có thuế)	42.0	9.8	6.5	4.8	76.3
2. Tỷ lệ thu nhập/chi phí	212.2	189.4	164.1	117.4	237.2

Đơn vị tính %

Như vậy, kết quả điều tra năm 1989 cũng như năm 1996 đều chứng minh rằng hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa gạo VN trong những năm đổi mới luôn luôn dương, trong mọi điều kiện của thời tiết và biến động của thị trường lúa gạo thế giới. Giữa các vụ thì vụ lúa đông xuân đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, kế đến là vụ hè thu và cuối cùng là vụ lúa mùa. Vì vậy xu hướng chuyển vụ lúa mùa bắp bênh năng suất và hiệu quả thấp sang lúa, đông xuân và hè thu ổn định, năng suất và hiệu quả cao hơn là đúng đắn, cần khuyến khích và có sự đầu tư của nhà nước.

Giữa các vùng, ĐBSCL là vùng lúa có lợi thế về nhiều mặt: diện tích lớn, phù sa sông Tiền, sông Hậu bồi đắp hàng năm, quy mô ruộng đất phù hợp với sản xuất lúa hàng hóa, nông dân có nhiều kinh nghiệm sản xuất lúa hàng hóa gắn với xuất khẩu gạo... Chính những yếu tố trên đây đã làm cho sản xuất lúa gạo ở ĐBSCL thành một ngành kinh tế có lợi nhuận cao nhất và ổn định nhất trong cơ cấu kinh tế của các tỉnh trong vùng. Ngay cả những năm thời tiết bất lợi và giá cả lúa gạo xuống thấp như năm 1997, sản xuất lúa ở vùng này vẫn có lãi, tuy không nhiều. Vụ lúa đông xuân 1997, giá thành sản xuất lúa ở vùng tứ giác Long Xuyên thuộc tỉnh An Giang khoảng 900 đến 1.000đ/kg, trong khi giá lúa bán tại ruộng khoảng 1.100 - 1.200đ/kg, tỷ lệ lợi nhuận khoảng 15 - 18% và chưa xuất hiện vùng nào giá bán thấp hơn giá thành. Năm 1998 giá lúa ở ĐBSCL tăng từ 50% đến 80% so với năm 1997, người trồng lúa hàng hóa phần khởi vì "được mùa, được giá", thu nhập tăng. Hiệu quả kinh tế - xã hội của nghề trồng lúa rõ ràng. Không chỉ đối với nông dân mà cả đối với nhà nước, năm 1998 vụ lúa ĐBSCL cung cấp cho đất nước 15,5 triệu tấn lúa gấp 4 lần năm đầu sau giải phóng. Chính yếu tố này đảm bảo cho an ninh lương thực quốc gia ổn định, dự trữ tăng, đẩy lùi thiếu đói giáp hạt ở miền Trung dù có lũ lụt lịch sử, xuất khẩu gạo đạt 3,8 triệu tấn, góp phần ổn định tình hình kinh tế xã hội của đất nước, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng tài chính tiền tệ của các nước châu Á và khu vực đối với VN.

Chung trên phạm vi cả nước, kinh tế lúa gạo VN không chỉ tạo ra nguồn lương thực - thực phẩm chủ yếu nuôi sống gần 80 triệu dân và thu về trên 1 tỷ USD xuất khẩu gạo, mà còn là ngành tạo ra nhiều công ăn việc làm ổn định cho gần 60 triệu người ở nông thôn, hạn chế dòng di dân ra thành thị trong điều kiện tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn cao. Kinh tế lúa gạo VN còn góp phần quyết định vào chương trình xóa đói giảm nghèo, khắc phục tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng, thực hiện công bằng xã hội, phát triển sự

ng nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa và ổn định xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

Suy cho cùng, nông nghiệp nói chung, kinh tế lúa gạo nói riêng đã giúp VN vượt qua được thách thức lớn lao do khủng hoảng tài chính và tiền tệ châu Á và khu vực trong 2 năm 1997 - 1998. Đó là hiệu quả kinh tế - chính trị có giá trị nhất, ít còn ngành sản xuất nào sánh kịp. Tuy nhiên, xét về hiệu quả, sản xuất lúa gạo VN hiện nay cũng còn tồn tại nhiều vấn đề cần quan tâm.

Một là; tính ổn định của hiệu quả chưa cao do thị trường và giá cả đầu vào, đầu ra của cây lúa đều phụ thuộc lớn vào thiên nhiên, vào thị trường và giá cả thế giới.

Hai là; lao động thủ công còn chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất (36 - 40%) làm cho giá thành 1 tạ thóc cao, nhưng khả năng giảm chi phí lao động sống rất hạn chế do tốc độ giải phóng lao động từ lúa còn chậm. Như trên đã phân tích, xu hướng độc canh lúa và bám chặt vào đất lúa vẫn còn phổ biến ở nhiều vùng nông thôn với phương thức tự túc lương thực bằng mọi giá dù hiệu quả thấp.

Ba là; hao hụt thu hoạch còn lớn, do máy móc và công cụ vận chuyển, ra hạt, phơi sàng, bảo quản và chế biến chưa đạt đến trình độ hiện đại, chất lượng gạo VN trên thị trường trong nước và thế giới còn thấp nên giá bán thấp, lợi nhuận trồng lúa, người chế biến và người xuất khẩu đều thấp, chưa tương xứng với giá trị thực của cây lúa VN. Trong khi tổng lợi nhuận thu được trên 1 ha đất lúa còn thấp thì phần phối lợi nhuận lại chưa công bằng, trong đó phần thua thiệt bao giờ cũng là người nông dân, nên chưa kích thích họ đầu tư, thâm canh tăng năng suất, tăng hiệu quả sản xuất lúa gạo.

Thực trạng kinh tế lúa gạo VN hiện nay thể hiện cả 2 mặt được và chưa được trong sản xuất, xuất khẩu và hiệu quả kinh tế xã hội. Trong mỗi khâu từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, tiêu thụ (kể cả xuất khẩu) cái được và chưa được biểu hiện dưới những độ khác nhau. Song suy cho cùng, cái được và thành tựu vẫn là cơ bản và có ý nghĩa quan trọng nhiều mặt. Cái chưa được tuy còn nhiều, thậm chí nghiêm trọng nhưng đó là những khó khăn trên bước chuyển đổi từ sản xuất lúa gạo tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa gắn với xuất khẩu. Vì vậy, chỉ có gắn sản xuất với chế biến và xuất khẩu trên cơ sở ứng dụng rộng rãi những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và tổ chức sản xuất mới có thể tạo ra thế và lực mới thúc đẩy ngành kinh tế lúa gạo VN phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả cao. Để làm việc đó, vai trò của nhà nước có ý nghĩa quyết định và vai trò đó trước hết thể hiện trong việc tăng cường đầu tư khoa học công nghệ vào

sản xuất, chế biến lúa gạo và mở rộng thị trường xuất khẩu gạo.

Giải pháp cho những năm tới phải tích cực, đồng bộ từ sản xuất đến chế biến và xuất khẩu

Khẩn trương hoàn thiện quy hoạch vùng lúa xuất khẩu của cả nước và kế hoạch cụ thể ưu tiên đầu tư vốn và khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất lúa trong từng thời kỳ phù hợp với quy hoạch và kế hoạch xuất khẩu gạo của cả nước.

Xây dựng mới các cơ sở chế biến lúa gạo xuất khẩu tại các vùng sản xuất lúa hàng hóa phục vụ xuất khẩu gạo theo quy hoạch, đồng thời nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở đã có để tăng năng lực chế biến và tăng chất lượng gạo xuất khẩu. Hệ thống kho tàng, đường sá, bến cảng phục vụ xuất khẩu gạo cũng cần sự đầu tư thỏa đáng, mở rộng cảng Cần Thơ trở thành cảng chủ yếu để xuất khẩu gạo.

Nhà nước cần xây dựng hệ thống tổ chức thu mua lúa hàng hóa phục vụ xuất khẩu gắn với chính quyền định phương trong vùng quy hoạch. Tiến tới hình thành mạng lưới theo mô hình HTX hoặc tổ hợp tác thu mua lúa thống nhất giữa các địa phương theo phương thức và giá sản quy định của nhà nước. Giải quyết thỏa đáng quan hệ giữa nhà nước, nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong phân phối lợi nhuận. Từ 1999, chính phủ bãi bỏ thuế xuất khẩu gạo là giải pháp tích cực, nhưng chưa đủ. Để tăng sức cạnh tranh của hạt gạo VN trong bối cảnh hiện nay còn phải có nhiều giải pháp đồng bộ hơn, một mặt tăng năng suất và chất lượng sản xuất trong nước để giảm chi phí, mặt khác mở rộng và ổn định thị trường theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, đảm bảo chữ tín với khách hàng, tăng cường tiếp thị, đầu tư nghiên cứu và dự báo thị trường... Để đảm bảo tính khả thi của các giải pháp đó, vấn đề quan trọng hàng đầu là tăng cường vai trò quản lý điều hành của chính phủ.

Sản xuất gắn với xuất khẩu là nét đặc trưng của kinh tế lúa gạo VN trong những năm đổi mới và hội nhập với bên ngoài. Đó là 2 mặt của 1 vấn đề có quan hệ mật thiết và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển. Sản xuất lúa phát triển ca về số lượng và chất lượng tạo ra nguồn lúa gạo hàng hóa dồi dào đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và có thặng dư xuất khẩu. Xuất khẩu gạo là một bộ phận đầu ra của quá trình sản xuất lúa, góp phần ổn định thị trường và giá cả lúa gạo theo hướng có lợi cho người trồng lúa, kích thích nông dân mở rộng diện tích thâm canh tăng năng suất lúa. Vì vậy, sản xuất gắn với xuất khẩu là tiền đề, là điều kiện để tăng hiệu quả kinh tế xã hội của kinh tế lúa gạo VN ■